

KẾ HOẠCH Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) trên địa bàn huyện Vạn Ninh năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 11252/KH-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Khánh Hòa năm 2023; Công văn số 3696/STTTT-CNTTBCVT ngày 08/11/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Kế hoạch nâng cao chỉ số DTI năm 2023. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch Chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn huyện Vạn Ninh năm 2023, với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Nâng cao Chỉ số DTI hàng năm của huyện, khắc phục những hạn chế, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp, để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của huyện

- Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, nâng cao Chỉ số DTI của huyện tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số cũng như Chỉ số DTI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cải thiện kết quả và thứ bậc xếp hạng chỉ số DTI của huyện, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của huyện theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 08/6/2022 của Huyện uỷ Vạn Ninh.

- Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng và theo dõi, đánh giá Chỉ số DTI năm 2023 của huyện theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Yêu cầu:

Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến chuyển đổi số; bố trí nguồn lực hợp lý, xác định những công việc cấp bách, thiết yếu để tập trung ưu tiên thực hiện nhằm góp phần trong việc nâng cao Chỉ số DTI của huyện.

Các cơ quan, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tập trung quyết liệt triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số năm 2023, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ hướng dẫn, chủ trì thực hiện các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai

thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về kết quả các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

II. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhóm Nhận thức số

Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Triển khai mở, phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên báo, đài phát thanh, hệ thống truyền thanh cơ sở.

2. Nhóm Thể chế số

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tham mưu UBND huyện ban hành văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm nhằm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số theo quy định.

- Nghiên cứu tham mưu UBND huyện thuê chuyên gia chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

3. Nhóm Hạ tầng số

- Triển khai thực hiện mục tiêu đến năm 2023, tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh đạt 80%; tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%.

- Tăng cường, triển khai, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn huyện, tỉnh; ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số được triển khai trên địa bàn huyện.

4. Nhóm Nhân lực số

Tăng cường hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện theo Kế hoạch số 6863/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn huyện tăng cường thực hiện chuyển đổi số.

Tổ chức tuyên truyền người dân tham gia học về kỹ năng số trên nền tảng

OneTouch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch cho người dân.

5. Nhóm An toàn thông tin mạng

Hàng năm xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng; đề xuất, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin mới theo quy định.

Phối hợp triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 4 lớp; bảo đảm hệ thống được kết nối, chia sẻ giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo xử lý, loại bỏ mã độc, xử lý sự cố đột xuất và định kỳ theo quy định.

Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác bảo đảm an toàn thông tin; công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

6. Nhóm hoạt động chính quyền số

Triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 theo Kế hoạch số 2209/KH-UBND ngày 21/6/2021 về triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vạn Ninh giai đoạn 2021 - 2025.

Triển khai Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; phối hợp xây dựng cổng dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định.

- Phối hợp thực hiện việc nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các kênh số khác ngoài cổng thông tin điện tử và cổng dịch vụ công trực tuyến; bổ sung những tính năng cá thể hóa cách tiếp cận dịch vụ.

- Phối hợp thực hiện nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, bảo đảm năm 2023 tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 90%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.

- Phối hợp thực hiện công tác quản lý, triển khai kết nối, sử dụng dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Phối hợp triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước đảm bảo thiết thực, hiệu quả; nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai rà soát, đánh giá, báo cáo mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 15/NQ-TU ngày 08/6/2022 của huyện ủy Vạn Ninh.

7. Nhóm hoạt động kinh tế số

- Phối hợp tổ chức các hội nghị về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; triển khai Nghị quyết số 15/NQ-TU ngày 08/6/2022 của huyện uỷ Vạn Ninh về chuyển đổi số, Kế hoạch về chuyển đổi số giai đoạn, hàng năm, Kinh tế số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

- Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%;

- Phối hợp triển khai nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart/Tổng số lượng bưu gửi chuyển phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn đạt 05%.

8. Nhóm hoạt động xã hội số

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện việc cấp danh tính số tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn huyện theo quy định.

- Phối hợp triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử (trước mắt là trong việc thực hiện thủ tục hành chính).

- Phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động, mục tiêu năm 2023 đạt 50%; triển khai xây dựng ứng dụng Công dân số, tích hợp các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước để thuận tiện cho người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.

III. PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ DTI CẤP HUYỆN

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao phụ trách theo dõi, đánh giá các Chỉ số DTI cấp huyện, gồm:

- Các phòng: Văn hoá và Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ, Kinh tế; Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng HĐND & UBND huyện; UBND các xã, thị trấn; Công an huyện, Chi cục Thuế Khu vực Bắc Khánh Hoà, Chi Cục Thống kê huyện; Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện, Ban Biên tập cổng thông tin điện tử huyện, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện, Bưu điện huyện, Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn

huyện, có biện pháp cải thiện nâng cao các chỉ số DTI huyện.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; lãnh đạo Công an huyện, Chi Cục Thuế khu vực bắc Khánh Hoà, Chi Cục Thông kê huyện, Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Bưu điện huyện, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số được giao chủ trì, trong đó nêu rõ những đơn vị có liên quan và trách nhiệm phối hợp thực hiện để cải thiện Chỉ số thành phần được giao trong Kế hoạch này (đối với các đơn vị được giao chủ trì có số lượng chỉ tiêu thấp, lòng ghép thực hiện trong các kế hoạch liên quan của đơn vị).

- Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan phối hợp trong các chỉ tiêu được giao; thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu (*bao gồm các văn bản, tài liệu kiểm chứng phù hợp*) liên quan tới các Chỉ số thành phần được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch này, định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) gửi về UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, UBND huyện. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về mục tiêu và các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần được giao chủ trì.

- Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đơn vị, địa phương liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo. Chịu trách nhiệm về mục tiêu, kết quả thực hiện các Chỉ số thành phần được giao phối hợp.

2. Phòng Văn hoá và Thông tin

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND huyện báo cáo, tổng hợp các số liệu các Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của huyện định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, UBND huyện tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá DTI hàng năm và báo cáo của các đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo, đánh giá chỉ số DTI của huyện. Đồng thời, đề xuất với UBND huyện giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

3. Trung tâm Văn hoá và Thông tin huyện, Ban biên tập Công Thông tin điện tử huyện, UBND các xã, thị trấn:

Tăng cường tuyên truyền và phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân trên địa bàn

huyện; tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số chuyên đổi số nói riêng và việc chuyên đổi số trên địa bàn huyện nói chung.

Trên đây là Kế hoạch Nâng cao chỉ số chuyên đổi số DTI năm 2023 trên địa bàn huyện Vạn Ninh. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) để tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./. 

Nơi nhận (VBĐT):

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở TT&TT;
- TT. Huyện ủy (để b/c);
- TT. HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND huyện (để b/c);
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Bưu điện huyện Vạn Ninh;
- Chi Cục thuế Khu vực Bắc Khánh Hòa;
- Chi cục Thống kê huyện Vạn Ninh;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VHTT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Sơn

Phụ lục

**PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ
CHUYỂN ĐỔI SỐ (DTI) CẤP HUYỆN NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 430/KH-UBND ngày 22/11/2023 của UBND huyện Vạn Ninh)

I. THÔNG TIN CHUNG

STT	Thông tin chung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tên huyện	Phòng Văn hoá và Thông tin	
2	Địa chỉ liên hệ chính thức	Phòng Văn hoá và Thông tin	
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức	Phòng Văn hoá và Thông tin	
4	Số lượng dân số	Chi Cục Thống kê huyện	
5	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Chi Cục Thống kê huyện	
6	Số lượng hộ gia đình	Chi Cục Thống kê huyện	
7	Số lượng huyện và tương đương	Phòng Nội vụ	
8	Số lượng xã và tương đương	Phòng Nội vụ	
9	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Phòng Nội vụ	
10	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc	Phòng Nội vụ	
11	Số lượng công chức	Phòng Nội vụ	
12	Số lượng viên chức	Phòng Nội vụ	
13	Số lượng máy chủ vật lý	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
14	Số lượng máy trạm	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
15	Số lượng hệ thống thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
16	Số lượng doanh nghiệp	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
17	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
18	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	Bưu điện huyện	
19	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho	Phòng Tài chính - Kế	

	chuyển đổi số	hoạch	
20	Số lượng thủ tục hành chính	Văn phòng HĐND & UBND huyện	

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐÃ ĐẠT ĐIỂM TỐI ĐA NĂM 2022, CẦN TIẾP TỤC DUY TRÌ THỰC HIỆN TỐT TRONG NĂM 2023

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
I	Nhận thức số				
1.	Người đứng đầu Huyện (Bí thư hoặc Chủ tịch huyện) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Huyện	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
2.	Có chuyên trang cấp huyện về chuyển đổi số có tần suất cập nhật trung bình 1 tuần/1 lần	Có	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện	
3.	Cổng thông tin điện tử của huyện có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng tin, bài về chuyển đổi số trong năm đạt từ 20 bài trở lên	Có	Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện	Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện	
4.	Tổ nghiệp vụ Đài truyền thanh truyền hình huyện có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Có	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện	
5.	Đài truyền thanh huyện có tần suất phát sóng chuyên mục về chuyển đổi số 1 tuần/1 lần	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện	
6.	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số, tần suất 1 lần/1 tuần	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Trung tâm Văn hoá Thông tin và Thể thao huyện; UBND các xã, thị trấn	
II	Thể chế số				
7.	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của Huyện	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn

Số thứ tự	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
8.	Kế hoạch hành động 5 năm của Huyện về chuyển đổi số	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
9.	Kế hoạch hành động hàng năm của Huyện về chuyển đổi số	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn huyện
10.	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
11.	Ban hành văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Có	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
12.	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Có	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
13.	Ban hành văn bản tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số	Có	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
14.	Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.	
15.	Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Có	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
III	Hà tầng số				
16.	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp viễn thông
17.	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND & UBND huyện
18.	Phối hợp triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo	Đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	theo hướng dẫn của Bộ TTTT tại Văn bản số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020			xã, thị trấn
IV	Nhân lực số				
19.	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	
20.	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	
21.	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	100%	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
22.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	100%	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Các Trường THPT trên địa bàn huyện.	UBND các xã, thị trấn	
V	An toàn thông tin mạng				
23.	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
24.	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	-	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
25.	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	-	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
26.	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	-	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
VI	Hoạt động chính				

Số thứ tự	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	quyền số				
27.	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Có	Ban biên tập công thông tin điện tử huyện	Phòng Văn hoá và Thông tin; Văn phòng HĐND & UBND huyện	
28.	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
29.	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
30.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	100%	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
31.	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin <i>(DVCTT được điền sẵn thông tin là những DVCTT được triển khai kết nối đến các CSDL và khai thác dữ liệu sẵn có để tự động điền thông tin vào biểu mẫu điện tử)</i>	100%	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
32.	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm	100%	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
33.	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	100%	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
34.	Phối hợp triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
VII	Kinh tế số				

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
35.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	100%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
36.	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	100%	Chi Thuế Cục Khu vực Bắc vực Khánh Hoà	Chi Thuế Cục Khu vực Bắc vực Khánh Hoà	
37.	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định	100%	Bưu điện huyện	Bưu điện huyện	
38.	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	>=0,25%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
VIII	Xã hội số				
39.	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	>=80%	Ngân hàng NN&PTNT huyện Vạn Ninh	UBND các xã, thị trấn	Các ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện

III. CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG CÓ ĐIỂM HOẶC CHUA ĐẠT ĐIỂM TRONG NĂM 2022, CẦN ĐẨY MẠNH TRIỀN KHAI TRONG NĂM 2023

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
I	Nhận thức số				
1.	Bí thư/Chủ tịch tham gia tất cả các phiên họp của BCĐ Tỉnh về Chuyển đổi số	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
2.	Bí thư/Chủ tịch chủ trì tất cả các cuộc họp về CDS của huyện	Có	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
3.	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Huyện (Chủ tịch Huyện) ký	100%	Văn phòng HĐND & UBND huyện	Văn phòng HĐND & UBND huyện	
II	Thể chế số				
4.	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
5.	Có chế độ thuê chuyên gia chuyển đổi số	Có	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn
III	Hệ tầng số				
6.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh/Tổng dân số của Huyện	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp viễn thông
7.	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình của Huyện	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp viễn thông
IV	Nhân lực số				
8.	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số/Tổng số công chức + viên chức	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	dân				
9.	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng/Tổng số công chức + viên chức	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
10.	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số/Tổng số người trong độ tuổi lao động	100%	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Phòng Văn hoá và Thông tin
11.	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên Nền tảng OneTouch/Tổng dân số	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	
V	An toàn thông tin mạng				
12.	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin; Văn phòng HĐND & UBND huyện	
13.	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
14.	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước	100%	Phòng Văn hoá và Thông	Các phòng, ban, ngành;	

Số thứ tự	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)		tin	UBND các xã, thị trấn	
15.	Số lượng hệ thống thông tin được SOC bảo vệ, triển khai giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với NCSC/Tổng số lượng hệ thống thông tin	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
16.	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
17.	Số lượng tham gia các cuộc diễn tập ATTT mạng được triển khai	Chỉ tiêu này được tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều cuộc diễn tập theo quy định nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
18.	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều sự cố nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
19.	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)				

Số thứ tự	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	Kinh phí đầu tư từ NSNN cho ATTT	>=10%	Phòng chính - Tài Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	Kinh phí thường xuyên từ NSNN chi cho ATTT	>=10%	Phòng chính - Tài Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
VI	Hoạt động chính quyền số				
20.	Phối hợp triển khai Cổng dữ liệu mở	- Có phối hợp triển khai - Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
21.	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
22.	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
23.	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Phòng Văn hoá và Thông tin	Văn phòng HĐND & UBND huyện
24.	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND & UBND huyện
25.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	>=80%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND & UBND huyện
26.	Số lượng hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước có ứng dụng AI để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung phục vụ quản lý, ra quyết định	10 nghiệp vụ	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
27.	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số/Tổng chi ngân sách nhà nước (tỷ đồng)				
	Kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	>=1%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	>=1%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
VII	Hoạt động kinh tế số				
28.	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	>=20%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chi Thống kê huyện	Cục Cục
29.	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số/Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	>=0,25%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
VIII	Hoạt động xã hội số				
30.	Số lượng người dân có danh tính số; tài khoản định danh điện tử/Tổng dân số	100%	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn	
31.	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân/Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên	>=50%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND & UBND huyện (phục vụ giải quyết TTHC cho người dân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính)
32.	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số/Tổng số hộ gia đình	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	
33.	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông/Tổng	>=70%	Phòng Văn hoá và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	

Số thứ tự	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	dân số trong độ tuổi lao động				
34.	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ của tỉnh với tỉnh chi cao nhất	Phòng chính – Tài Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
35.	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ của tỉnh với tỉnh chi cao nhất	Phòng chính – Tài Kế hoạch	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
36.	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền				
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua App di động	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...)	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Kênh khác (sử dụng hình thức điện tử, nêu rõ loại kênh nếu có)	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	• Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua App di động	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	
	• Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...)	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Kênh khác (sử dụng hình thức điện tử, nêu rõ loại kênh nếu có) 	100%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn	

